

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Nghị quyết ban hành Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Quảng Bình

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ thực tiễn

Hội đồng nhân dân (HĐND) các cấp được tổ chức và hoạt động theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015 và một số quy định khác của pháp luật. Hầu hết các đại biểu HĐND làm việc theo chế độ kiêm nhiệm. Ngày 24/10/2016, HĐND tỉnh khóa XVII, nhiệm kỳ 2016 - 2021 đã ban hành Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Bình (gọi tắt là Nghị quyết 08). Qua 06 năm triển khai thực hiện, Nghị quyết 08 bộc lộ một số bất cập, hạn chế, cụ thể:

- Một số nội dung và định mức chi không phù hợp với các quy định mới của Nhà nước;
- Một số định mức chi cho các hoạt động thấp, chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn hoạt động của HĐND các cấp;
- Một số nhiệm vụ thực hiện theo quy định của pháp luật nhưng chưa quy định mức chi.

2. Căn cứ pháp lý

Căn cứ quy định tại Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ quy định tại khoản 3 điều 4 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện đảm bảo hoạt động của đại biểu HĐND: *Đại biểu HĐND được cấp kinh phí hoạt động tiếp xúc cử tri, giám sát; hỗ trợ công tác phi; khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ; may lễ phục; nghiên cứu; học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác đại biểu do HĐND cấp tỉnh quyết định;*



Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-VPQH ngày 19/01/2022 của Văn phòng Quốc hội về việc điều chỉnh một số định mức chi trong Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;

Căn cứ Công văn số 16561/BTC-HCSN ngày 27/11/2012 của Bộ Tài chính: *Đề nghị Thường trực HĐND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương áp dụng Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để quy định định mức chi tiêu của HĐND phù hợp tình hình thực tế địa phương.*

Xuất phát từ thực tiễn nêu trên và căn cứ các quy định của pháp luật, việc ban hành Nghị quyết mới, thay thế Nghị quyết số 08 là cần thiết. Nghị quyết mới nhằm đáp ứng yêu cầu thực tế, đảm bảo công bằng, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND các cấp trên địa bàn tỉnh.

II. NỘI DUNG NGHỊ QUYẾT

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

a) Phạm vi điều chỉnh: Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh.

b) Đối tượng áp dụng: Chế độ chi tiêu quy định tại Nghị quyết này được áp dụng đối với hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Chủ tọa kỳ họp HĐND, Thư ký kỳ họp HĐND; Tổ đại biểu HĐND, đại biểu HĐND và các cơ quan, tổ chức, đơn vị và cá nhân có liên quan tham gia, phục vụ cho hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Bình.

2. Nguyên tắc đề xuất mức chi

- Nội dung chi và các chế độ chi tại Nghị quyết đảm bảo tuân thủ các nội dung của Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; một số mức hỗ trợ đề xuất trên cơ sở công việc, nhiệm vụ đặc thù về hoạt động giám sát của HĐND các cấp theo Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân năm 2015; một số mức chi áp dụng theo Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Định mức chi phù hợp với tình hình thực tế, tính chất phức tạp của từng nhiệm vụ chi, khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đặc thù hoạt động của HĐND các cấp.

- Một số chế độ chi khác được áp dụng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

3. Bộ cục của Nghị quyết

Nghị quyết gồm 03 điều; ban hành kèm theo Nghị quyết là Quy định một số chế độ, định mức bảo đảm cho hoạt động của HĐND các cấp tỉnh Quảng Bình gồm 03 Chương, 16 điều (*Có Quy định chi tiết kèm theo*).



4. Quy định cụ thể

Các quy định cụ thể của Nghị quyết kế thừa Nghị quyết số 08/2016/NQ-HĐND của HĐND tỉnh và bổ sung một số nội dung theo các quy định tại Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; một số nội dung theo quy định tại Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và tình hình thực tế,... Cụ thể như sau:

- **Điều 4.** Xây dựng và hoàn thiện nghị quyết, báo cáo trình tại kỳ họp

+ Khoản 1: Xây dựng nghị quyết quy phạm pháp luật do Thường trực HĐND trình: Áp dụng theo Thông tư số 338/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (thay thế Thông tư số 47/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 16 tháng 3 năm 2012 của liên Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp).

+ Khoản 2. Xây dựng nghị quyết cá biệt do Thường trực HĐND trình: Kế thừa Nghị quyết 08.

+ Khoản 3. Hoàn thiện nghị quyết của HĐND theo sự phân công của Thường trực HĐND: Căn cứ quy định tại khoản 6, điều 3 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13; Mức chi bằng 1/3 so với mức chi tối thiểu của đại biểu Quốc hội theo Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13 (từ 1.500.000 đồng đến 2.500.000 đồng/nghị quyết).

+ Khoản 4. Đại biểu HĐND nghiên cứu nghị quyết, đề án trình HĐND tại kỳ họp: Kế thừa Nghị quyết 08 và tăng mức chi.

+ Khoản 5. Chi soạn thảo văn bản báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết, đề án trình tại kỳ họp: Căn cứ khoản 2, điều 3, Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13:

a) Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp (đối với cơ quan chủ trì):

- Cấp tỉnh: 500.000 đồng/ báo cáo;
- Cấp huyện: 300.000 đồng/ báo cáo;
- Cấp xã: 200.000 đồng/ báo cáo.

b) Chi soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo Nghị quyết trình tại kỳ họp (đối với cơ quan phối hợp thẩm tra): căn cứ quy định tại điểm b, mục 2, điều 3 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13: Quy định mức chi bằng 50% mức chi quy định tại khoản 5a.

Điều 5. Chế độ ăn nghỉ, bồi dưỡng cho đại biểu HĐND và Chủ tọa, Thư ký

+ Khoản 1. Quy định mức chi tiền ăn, nghỉ của đại biểu HĐND và khách mời thực hiện theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính (thay thế Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính).



+ Khoản 2. Chế độ bồi dưỡng tại kỳ họp: Kế thừa Nghị quyết 08 và tăng mức chi cấp tỉnh. Bổ sung quy định mức chi họp vào ngày thứ bảy, chủ nhật.

+ Khoản 3. Chi hỗ trợ tổng kết kỳ họp cuối nhiệm kỳ (nếu có): bằng hai lần mức chi quy định tại khoản 2: Kế thừa Nghị quyết 08.

+ Khoản 4. Chế độ chi cho Chủ tọa kỳ họp, Thư ký kỳ họp: Kế thừa nghị quyết 08 và tăng mức chi phù hợp với tình hình thực tế.

- Điều 6. Chi cho công tác giám sát, khảo sát

+ Khoản 1. Chi xây dựng văn bản giám sát, khảo sát: Căn cứ điểm a, b, c khoản 1, điều 6 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13. Gồm:

a) Chi xây dựng văn bản triển khai kế hoạch giám sát, khảo sát.

b) Chi xây dựng báo cáo kết quả giám sát của các đoàn giám sát.

c) Chi cho thành viên tham gia đoàn giám sát, khảo sát: Căn cứ điểm c, khoản 1, điều 6 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13; Kế thừa Nghị quyết 08 và tăng mức chi cho người chủ trì phù hợp với tình hình thực tế.

+ Khoản 2. Giám sát các văn bản quy phạm pháp luật: Căn cứ quy định tại khoản 2, điều 6 Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13: Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08.

+ Khoản 3. Chi cho hoạt động chất vấn, giải trình: Căn cứ quy định tại khoản 5, điều 6 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13; Mức chi bằng 1/5 mức chi quy định tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 (5.000.000 đồng/ nghị quyết/ thông báo).

- Điều 7. Chi hoạt động tiếp xúc cử tri

+ Khoản 1. Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri: Căn cứ quy định tại khoản 1, điều 7 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13: Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08, bổ sung thêm trường hợp tiếp xúc cử tri bằng hình thức khác.

+ Khoản 2. Khoản chi tiếp xúc cử tri hàng năm cho đại biểu HĐND: Căn cứ quy định tại khoản 2, điều 7, Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13. Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08.

+ Khoản 3. Chi cho cán bộ, công chức tham gia phục vụ tiếp xúc cử tri (chỉ quy định đối với cán bộ, công chức cơ quan Văn phòng tham mưu, phục vụ HĐND các cấp): Căn cứ quy định tại khoản 2, điều 7, Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13, mức chi bằng mức chi tối thiểu quy định tại Nghị quyết số 524/2012/NQ-UBTVQH13.

+ Khoản 4. Chi xây dựng báo cáo kết quả tiếp xúc cử tri: Căn cứ quy định tại khoản 3, điều 7 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13: Mức chi bằng mức chi quy định tại Nghị quyết 524/2012/UBTVQH13.

- Điều 8. Chi tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo



+ Khoản 1. Chi tiếp công dân: Trường hợp đại biểu HĐND tiếp công dân tại trụ sở tiếp công dân của tỉnh được thực hiện theo quy định của UBND tỉnh.

+ Khoản 2. Chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về chế độ chi xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo.

- **Điều 9.** Chi hoạt động của Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu HĐND và Văn phòng

+ Khoản 1. Chi cho hoạt động giám sát tại các cuộc họp, hội nghị: Mức chi tối đa bằng với định mức tại Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 (chỉ áp dụng đối với đại biểu HĐND các cấp): Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08.

+ Khoản 2. Chi phóng viên báo chí tham gia họp báo do Thường trực HĐND tỉnh tổ chức, mức chi 300.000 đồng/ người/ cuộc: Áp dụng theo mức chi của tỉnh.

+ Khoản 3. Chi xây dựng báo cáo định kỳ 6 tháng, năm, nhiệm kỳ liên quan hoạt động HĐND (không áp dụng đối với các báo cáo không định kỳ hoặc các báo cáo đã có chế độ riêng quy định tại Nghị quyết này): Căn cứ các quy định tại khoản 4, điều 10 Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 và tình hình thực tế.

+ Khoản 4. Chi hỗ trợ hoạt động của Tổ đại biểu HĐND: Căn cứ tình hình thực tế.

- **Điều 10.** Chi phụ cấp kiêm nhiệm cho đại biểu HĐND

+ Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08.

+ Bổ sung mức chi cho Tổ phó Tổ đại biểu.

- **Điều 11.** Một số điều kiện đảm bảo cho hoạt động của đại biểu HĐND

Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08.

- **Điều 12.** Chi tổng kết nhiệm kỳ

Quy định về tổng kết nhiệm kỳ do Thường trực HĐND các cấp quyết định là cần thiết để thuận lợi cho việc tổ chức thực hiện, vì trên thực tế, sau mỗi nhiệm kỳ hoạt động đều có hoạt động tổng kết nhiệm kỳ để đánh giá lại những kết quả đạt được, những hạn chế và khen thưởng cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có thành tích tốt trong thực hiện nhiệm vụ.

- **Điều 13.** Một số chế độ chi khác

+ Khoản 1. Hỗ trợ khai thác, nghiên cứu tài liệu cho đại biểu HĐND chuyên trách hàng tháng (ngoài tài liệu, sách báo được cấp theo quy định): Quy định theo khoản 3 điều 4 Nghị quyết 1206/2016/NQ-UBTVQH13: Giữ nguyên như Nghị quyết 08.

+ Chi tiền điện thoại cho các chức danh Phó Trưởng ban HĐND tỉnh hoạt động chuyên trách, Phó Chánh Văn phòng: Căn cứ quy định tại Điều 4 Quyết định 17/VBHN-BTC ngày 04/3/2014 về việc ban hành tiêu chuẩn, định mức sử dụng

điện thoại công vụ tại nhà riêng và điện thoại di động đối với cán bộ lãnh đạo trong các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội.

+ Khoản 3, 4. Giữ nguyên như quy định tại Nghị quyết 08.

+ Khoản 5: Chi trợ cấp khác cho đại biểu HĐND hoạt động chuyên trách và cán bộ, công chức, nhân viên Văn phòng: Căn cứ quy định tại khoản 3, điều 13 của Nghị quyết số 524/2021/UBTVQH13 và tại điểm b, Mục 7, Điều 3 của Thông tư liên tịch Bộ Tài chính - Bộ Nội vụ số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014.

- **Điều 14.** Chi hoạt động xã hội: Kế thừa Nghị quyết 08.

- **Điều 15.** Chế độ chi cho cán bộ, công chức và một số đối tượng khác phục vụ hoạt động của HĐND: Kế thừa Nghị quyết 08.

5. Nguyên tắc thực hiện

1. Sử dụng có hiệu quả kinh phí hoạt động của HĐND, thực hiện đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Phòng chống tham nhũng và Luật Thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

2. Các quy định về chế độ, định mức hỗ trợ hoạt động của HĐND các cấp được thực hiện từ kinh phí được giao hàng năm. Các khoản chi thuộc HĐND cấp nào do ngân sách cấp đó đảm bảo, được đưa vào dự toán ngân sách hàng năm và quyết toán với ngân sách cùng cấp;

3. Định mức hỗ trợ tại Quy định này là mức chi tối đa. Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách của từng địa phương, dự toán được giao hàng năm và các quy định hiện hành của Nhà nước, Thường trực HĐND, Ủy ban nhân dân các cấp quyết định nội dung chi, mức chi phù hợp và không dưới 50% so với mức chi tại Quy định này, đảm bảo cho hoạt động của HĐND các cấp có hiệu quả;

4. Các chế độ chi khác đảm bảo cho hoạt động của HĐND các cấp không có trong Quy định này được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và của tỉnh Quảng Bình.

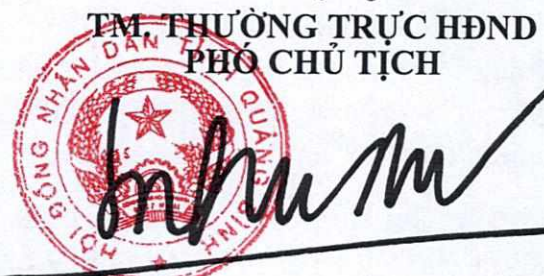
6. Thời điểm áp dụng

Nghị quyết này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký ban hành.

Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XVIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026, kỳ họp thứ 08 xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.



Nguyễn Công Huân